TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HS-PT
Ngày 15 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương

Các Thẩm phán: Ông Hồ Hữu Việt và ông Ma Hồng Thắng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Tất T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 105/2022/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Nguyễn Tất T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/5/1998 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B sinh năm 1976 và bà Hồ Thị L, sinh năm 1979; có vợ là Lê Ngọc D, sinh năm 1999 và có 02 con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 81/2020/HSST ngày 10/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm, về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang *(Có mặt).*

- Những bị hại:

1. Chị Chu Thị B, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam *(Vắng mặt).*

2. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ 1, phường V, quận L, thành phố Hà Nội *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2021, Nguyễn Tất T, sinh năm 1998, trú tại tổ dân phố N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nảy sinh ý định lập tài khoản Facebook (tài khoản ảo) để nhắn tin với những người sử dụng mạng xã hội Facebook có nhu cầu vay tiền, nhằm mục đích lừa để chiếm đoạt tài sản của họ. T sử dụng số điện thoại 0333856507 để đăng ký 02 tài khoản Facebook mang tên "Nhan Tran Thi" và "Trần Ngọc Huyền", T lấy ảnh đại diện là một người phụ nữ khoảng 25 tuổi, không biết tên, tuổi, địa chỉ (ảnh T tải trên mạng xã hội), với thông tin là nhân viên đang làm việc tại công ty tín dụng tài chính FE, của Ngân hàng TPBank; sau đó, đăng tải nhiều hình ảnh về việc bán quần áo, mỹ phẩm, nước hoa, hình ảnh tiền lên trang cá nhân để tạo uy tín, niềm tin của những người trên mạng xã hội.

Sau khi tạo tài khoản Facebook, T dùng sim số 0333856507 để lập một tài khoản Zalo với tên "Vợ của ai" đăng tải hình ảnh của một người phụ nữ (không biết tên tuổi, địa chỉ) làm ảnh đại diện và dùng điện thoại sử dụng tính năng "Tìm quanh đây" để tìm những nam thanh niên đang cùng sử dụng tính năng này để kết bạn, nói chuyện, mục đích là để nhờ làm tài khoản ngân hàng, dùng nhận tiền của những người T lừa được trên trang Facebook, để không ai biết tiên thật của T. Sau một thời gian tìm kiếm, T kết bạn với tài khoản Zalo mang tên "Nguyễn Hồng Q", là tài khoản Zalo của anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1988, trú tại thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. T giới thiệu mình tên là L, nhà ở xã K, thành phố T và đưa ra thông tin giả về bản thân là con gái, chưa có người yêu, cũng như chưa đủ tuổi để làm căn cước công dân, chưa có thẻ ATM để nhận lương, nên nhờ Q đăng ký mở hộ 01 tài khoản Ngân hành để có 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietinbank chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, để đăng ký dịch vụ thông báo biến động số dư qua số điện thoại 0333856507, để lĩnh lương; khi đủ tuổi làm căn cước công dân sẽ mở tài khoản khác và trả lại thẻ ngân hàng này cho Q. Q tin vào những thông tin T đưa ra nên đã đến Ngân hàng Vietinbank chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, lập 01 thẻ ATM số 101873528750 mang tên Nguyễn Hồng Q, đăng ký dịch vụ thông báo biến động số dư qua số điện thoại 0333856507 do T cung cấp. T hẹn gặp Q tại khu vực cổng trường Chính trị, thuộc phường Ỷ La, Thành phố T để lấy thẻ. Sau đó, T thuê một người phụ nữ khoảng 18 tuổi (không rõ tên tuổi, địa chỉ) với giá 200.000 đồng đến gặp Q lấy thẻ ngân hàng mang đến quán nước cho T.

Khi đã có tài khoản Facebook và thẻ ngân hàng, T lên mạng xã hội Facebook, dùng các tài khoản "Nhan Tran Thi" và "Trần Ngọc Huyền" nhắn tin cho nhiều người, với nội dung các tài khoản này có đủ điều kiện để vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) mà không cần phải thế chấp tài sản, không cần làm thủ tục, mà chỉ cần sử dụng căn cước công dân, chứng minh nhân dân để vay; thủ tục vay nhanh gọn, vay Online chuyển khoản trực tiếp qua tài khoản, không cần đến ngân hàng, điểm giao dịch để làm thủ tục. Bằng những thủ đoạn trên, từ ngày

26/9/2021 đến ngày 12/10/2021 T đã lừa đảo chiếm đoạt được tài sản của 02 người, cụ thể như sau:

**** Vụ thứ nhất:*** vào chiều ngày 25/9/2021, qua một số nhóm, hội trên Facebook, thấy tài khoản mang tên "Gì Út" của chị Chu Thị B, sinh năm 1994, trú tại thôn 1, xã P, Thành phố P, tỉnh Hà Nam, có nhu cầu vay vốn Online; Nguyễn Tất T sử dụng tài khoản Facebook "Trần Ngọc Huyền" nhắn tin qua ứng dụng Messenger của Facebook, chào mời chị B vay vốn. T đưa ra nội dung chị B có thể vay vốn Online không cần tài sản thế chấp được vay đến 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) chỉ phải nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền hỗ trợ làm hồ sơ (số tiền này T chỉ đưa ra chứ không yêu cầu chị B phải chuyển tiền cho T), chị B đồng ý vay tiền. T yêu cầu chị B gửi các thông tin cá nhân cho T để làm hồ sơ, sau đó hẹn đến khoảng 07 giờ 30 phút, ngày hôm sau sẽ tiếp tục giao dịch.

Khoảng 08 giờ, ngày 26/9/2021, T nhắn tin cho chị B qua ứng dụng Messenger, trao đổi nội dung hồ sơ của chị B đã được giải ngân, sau đó yêu cầu chị B chuyển 880.000 đồng (tám trăm tám mươi nghìn đồng) tiền thuế VAT cho T vào tài khoản số 101873528750 mang tên Nguyễn Hồng Q. Chị B nhắn không có tiền, T nhắn lại nếu không chuyển tiền sẽ hủy hợp đồng vay 50.000.000 đồng, đồng thời gửi ảnh mà T tải trên mạng xã hội từ trước nội dung thể hiện một văn phòng cho vay tín dụng đang có nhiều người chờ làm việc, rồi nhắn còn rất nhiều khách khác đang chờ làm thủ tục, nếu không nộp ngay sẽ hủy thủ tục của chị B vì T đang bận nhiều việc. Chị B thấy vậy nên chuyển khoản 880.000 đồng cho T.

Sau khi nhận được tiền, T tiếp tục đưa ra thông tin chị B phải nộp thêm 1.680.000 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền bảo hiểm khoản vay và yêu cầu chị B chuyển tiền cho T, chị B tiếp tục chuyển khoản số tiền 1.680.000 đồng và chụp ảnh giao dịch T công gửi lại cho T. T lại đưa ra thông tin do tình hình dịch bệnh nên Ngân hàng yêu cầu chị B thanh toán 01 tháng tiền lãi và tiền gốc tháng đầu tiên là 1.789.000 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng), chị B tiếp tục chuyển cho T số tiền 1.800.000 đồng. Đến lúc này T chỉnh sửa 01 ảnh thông tin chuyển tiền trên điện thoại nhãn hiệu Iphone Xs Max của T, thay số tài khoản của chị B, tên người thừa hưởng trên ảnh là Chu Thị B, đưa ra thông tin giao dịch là trong tài khoản của chị B đã có số tiền 51.680.000 đồng (Năm mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), nhưng tài khoản bị bảo lưu, phải thanh toán thêm số tiền 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* để nhận tiền giải ngân về tài khoản, sau đó số tiền 1.500.000đ bảo lưu này sẽ được hoàn trả, rồi gửi cho chị B, sau đó T nhắn tin nói rằng do chị B nộp tiền trễ nên tài khoản đã bị bảo lưu, T yêu cầu chị B nộp số tiền 1.500.000 đồng. Chị B nhắn tin không có tiền, T tiếp tục nhắn tin với nội dung nếu không nộp tiền bảo lưu thì toàn bộ tiền trong tài khoản sẽ bị thu hồi, chị B tin là thật nên tiếp tục chuyển thêm cho T số tiền 1.500.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền, T tiếp tục lấy lý do chị B nộp tiền chậm, nên không giải ngân được nên phải nộp thêm 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) vào tài khoản để bảo lưu. Chị Chu Thị B tiếp tục nộp số tiền 1.500.000 đồng

(Một triệu năm trăm nghìn đồng), vào tài khoản mang tên Nguyễn Hồng Q. Sau khi nhận được tiền, T tiếp tục lấy lý do chị B không có thẻ "cứng" của ngân hàng mà chỉ có ứng dụng của ngân hàng MB (Ngân hàng Quân đội) nên không thể giải ngân được và muốn giải ngận được thì phải nộp thêm 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) để xác nhận khoản vay, nếu không phải đợi làm thẻ xong mới lấy được lấy tiền. Đến lúc lúc này chị B nhắn lại là không có tiền, chỉ còn có 300.000 đồng trong tài khoản, T yêu cầu chị B chuyển tạm 300.000 đồng này để T giữ tài khoản chờ xử lý cho chị B, nếu khống chuyển sẽ bị hủy hợp đồng, chị B chuyển thêm cho T số tiền 300.000 đồng, T tiếp tục nhắn tin yêu cầu chị B chuyển nốt số tiền đang bị bảo lưu trên, thì chị B chuyển thêm cho T số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

Sau khi nhận được tổng số tiền 8.560.000 đồng (Tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) của chị B chuyển vào tài khoản ngân hàng mang tên Nguyễn Hồng Q, T tiếp tục nhắn tin, yêu cầu chị B chuyển thêm tiền, nhưng chị B không có tiền để chuyển, biết chị B đã hết tiền nên T chặn tin nhắn và cuộc gọi đối với tài khoản Facebook "Gì Út" của chị Chu Thị B, sau đó T đã dùng thẻ ATM mang tên Nguyễn Hồng Q đến cây ATM tại khu vực cổng trường Đại học Tân Trào thuộc thôn 8, xã T, huyện Y, rút toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt được của chị B để chi tiêu cá nhân hết.

**** Vụ thứ hai:*** Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 11/10/2021, qua mạng xã hội Facebook, thấy tài khoản facebook "L Ngọc" chủ tài khoản là Phạm Thị L, sinh năm 1989, trú tại tổ 1, phường V, quận L, Thành phố Hà Nội có nhu cầu vay tiền tiêu dùng nên T đã sử dụng tài khoản "Nhan Tran Thị" nhắn tin qua ứng dụng Messenger của Facebook cho chị L, giới thiệu là nhân viên công ty tín dụng tài chính FE của ngân hàng TPBank và nói T có thể hỗ trợ để chị L vay được số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), chỉ mất 2.000.000 đồng tiền hỗ trợ làm hồ sơ, chị L đồng ý. Sau đó, với cách thức tương tự với chị B, T yêu cầu chị L gửi hình ảnh căn cước công dân, số hộ khẩu, số điện thoại, tài khoản ngân hàng của chị L cho T. Sau khi nhận đầy đủ các thông tin, T nhắn tin cho chị L nói đã đủ điều kiện yêu cầu vay vốn và hẹn khoảng 8 giờ ngày hôm sau (tức ngày 12/10/2021) sẽ liên lạc lại (mục đích là để cho chị L nghĩ T chỉ làm việc ở công ty theo giờ hành chính, tạo lòng tin cho chị L). Khoảng 08 giờ, ngày 12/10/2021, T nhắn tin qua mạng xã hội Facebook vào tài khoản của chị L để hỏi đã đúng các thông tin để làm hồ sơ vay vốn chưa. Sau khi chị L xác nhận đúng thì T nhắn tin lại là hồ sơ vay tiền của chị L đang được xét duyệt và đưa ra các thông tin giả để yêu cầu chị L phải chuyển tiền cho T, cụ thể: yêu cầu chuyển tiền ký giải ngân 780.000 đồng, tiền bảo hiểm khoản vay 1.680.000đ, tiền nộp thuế VAT 1.250.000đ, tiền lãi tháng đầu tiên 2.483.000đ, tiền làm phí giải ngân 500.000đ, tiền hoàn tất giải ngân 1.100.000 đồng, phí do tài khản thể cứng 1.100.000đ; Tổng số tiền là 8.893.000 đồng (Tám triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng) vào tài khoản số 101873528750 mang tên Nguyễn Hồng Q, chị L tin là thật nên đã chuyển đủ số tiền trên cho T (khi chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng cho T) chị L chụp ảnh

màn hình và gửi tin nhắn cho T các lần giao dịch T công. Để tạo niềm tin, T đã sử dụng điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max của mình, cắt ghép chỉnh sửa ảnh liên quan đến việc trong tài khoản thụ hưởng của chị L đang có số tiền 51.680.000 đồng rồi gửi cho chị L, Chị L kiểm tra tài khoản không thấy có tiền, xem lại thông tin trên ảnh T gửi thấy sai giờ (không phù hợp với thời gian hiện đang giao dịch) nên chị L phát hiện mình đã bị T lừa. Biết hành vi của mình bị chị L phát hiện nên T đã chặn tin nhắn và cuộc gọi từ Facebook của chị L. Sau đó, Nguyễn Tất T sử dụng thẻ ATM mang tên Nguyễn Hồng Q đến cây ATM tại thôn 8, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang rút hết tiền trong tài khoản và chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 105/2022/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tất T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, đoạn 1 điểm h Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tất T 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/7/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/01/2023, bị cáo Nguyễn Tất T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tất T 01 năm 05 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình được tình tiết mới là biên lai nộp tiền bồi thường cho 2 bị hại, tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự có giá ngạch, đây là tình tiết mới cần áp dụng cho bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo tiếp tục T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội bị cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tất T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2022/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tất T như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, đoạn 1 điểm h Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tất T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/7/2022.

Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền là 13.075.650 đồng *(Mười ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng)* bao gồm tiền bồi thường cho các bị hại là 12.435.000 đồng, tiền án phí dân sự có giá ngạch là 622.650 đồng và tiền án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0002987 ngày 06/3/2023 và tại Biên lai thu tiền số 0001848 ngày 20/12/2022 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trình bày lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 26/9/2021 đến ngày 12/10/2021, thông qua mạng xã hội Facebook, Nguyễn Tất T đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 26/9/2021, T có hành vi đưa ra thông tin giả để tạo niềm tin, lừa đảo chiếm đoạt của chị Chu Thị B, sinh năm 1994, trú tại thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam số tiền 8.560.000 đồng (Tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Lần 2: Ngày 12/10/2021, T có hành vi đưa ra thông tin giả để tạo niềm tin, lừa đảo chiếm đoạt của chị Phạm Thị L, sinh năm 1989, trú tại tổ 1, phường V, quận L, Thành phố Hà Nội số tiền 8.893.000 đồng (Tám triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Tổng số tiền T đã lừa đảo chiếm đoạt là 17.453.000 đồng (*Mười bảy triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng).*

Hành vi của bị cáo Nguyễn Tất T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác. Vì mục đích vụ lợi bị cáo đã có hành vi giả dối và sử dụng công nghệ thông tin để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Do vậy cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo trở T người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung. Mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Tất T 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* là đúng người, đúng tội.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình được tình tiết mới là biên lai nộp tiền bồi thường cho các bị hại, tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự có giá ngạch, Hội đồng xét xử thấy tại cấp phúc thẩm bị cáo tiếp tục T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội bị cáo đã bồi thường xong cho 2 bị hại và nộp tiền án phí thể hiện sự chấp hành pháp luật của bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ mới cần áp dụng cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm một phần hình phạt cho bị cáo sửa bản án hình sự sơ thẩm số 105/2022/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền là 13.075.650 đồng *(Mười ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng)* bao gồm tiền bồi thường cho các bị hại là 12.435.000 đồng, tiền án phí dân sự có giá ngạch là 622.650 đồng và tiền án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0002987 ngày 06/3/2023 và tại Biên lai thu tiền số 0001848 ngày 20/12/2022 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. (Bị cáo T đã bồi thường xong cho các bị hại và nộp đủ số tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch).

[4] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tất T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 105/2022/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt đối với bị cáo như sau:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, đoạn 1 điểm h Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tất T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/7/2022.

Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền là 13.075.650 đồng *(Mười ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng)* bao gồm tiền bồi thường cho các bị hại là 12.435.000 đồng, tiền án phí dân sự có giá ngạch là 622.650 đồng và tiền án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0002987 ngày 06/3/2023 và tại Biên lai thu tiền số 0001848 ngày 20/12/2022 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Số tiền 12.435.000 đồng bồi thường cho bị hại chị Chu Thị B, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 1, xã P, Thành phố P, tỉnh Hà Nam số tiền là 6.560.000 đồng *(Sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).* Bồi thường cho chị Phạm Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 1, phường V, quận L, Thành phố Hà Nội số tiền là 5.893.000 đồng

(Năm triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng). Bị cáo đã bồi thường xong cho các bị hại và nộp đủ số tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/3/2023)./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T. Quang;
- TAND huyện Y, tỉnh T. Quang;
- VKSND huyện Y, tỉnh T. Quang;
- Công an huyện Y, tỉnh T. Quang;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Văn phòng - TAND tỉnh;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hương